



LẠI BÀN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC (NATION),
TỘC NGƯỜI (ETHNIE) VÀ NHÓM
ĐỊA PHƯƠNG (GROUPE LOCAL)

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

L.T.S. Dân tộc (nation), tộc ng-ời (ethnic), đặc biệt là việc xác định thành phần dân tộc (ethnic classification) th-ờng là tâm điểm của dân tộc học, thuộc những vấn đề khá phức tạp, đã diễn ra các tranh luận trên thế giới và ở Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua. Sự phức tạp của các vấn đề này ở ngay nội hàm khoa học, song có khi còn đ-ợc quyết định bởi nhân quan chính trị - xã hội.

Tiếp theo dòng mạch của những thảo luận về vấn đề dân tộc, tộc ng-ời và xác định thành phần dân tộc đ-ợc khởi nguồn từ thập kỷ 70 của thế kỷ tr-ớc, Tạp chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu bài viết của Giáo s- ĐẶNG NGHIÊM VẠN (ĐNV) - một trong những ng-ời có công lao xây dựng nền móng cho dân tộc học Việt Nam. Bài viết này của Giáo s- không chỉ trả lời về học thuật cho tác giả Lê Hải hay những ai đó đứng đằng sau Lê Hải, mà còn góp phần khẳng định bản lĩnh của dân tộc học Việt Nam tr-ớc bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tình cờ lên mạng, tôi thấy bài *Dân tộc học Việt Nam đã hết thời* của Lê Hải - biên tập viên Việt ngữ đài BBC (BBC Vietnamese.com, ngày 10 - 2 - 2007). Trong bài này, ông Lê Hải giới thiệu tóm tắt ý kiến của Giáo s- Charles Keyes, ng-ời đ-ợc tác giả mệnh danh là “ng-ời đào tạo nhiều nhà nhân học cho Việt Nam”. Không ngờ Giáo s-

Charles Keyes là bạn thân thiết của tôi, đã mời tôi trình bày ý kiến về vấn đề dân tộc ở Việt Nam năm 1989 ở Washington và trao đổi riêng với tôi. Ông cũng đã sang Việt Nam trình bày về *Vấn đề dân tộc, tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*¹. Chúng tôi đọc tài liệu của nhau rất kỹ. Hai bên có quan điểm khác nhau về một số vấn đề, vì tôn trọng nhau nên gắng tìm hiểu. Tôi cố gắng trình bày ý kiến của tôi và các bạn đồng nghiệp của thế hệ tôi với ông để thấy định nghĩa về dân tộc của J. V. Stalin là không phù hợp và có những điểm không giống Trung Quốc thời Mao Trạch Đông. Nhân đây tôi cũng trình bày lại² cho các bạn khỏi lầm

¹ Các bài của Giáo s- Ch. Keyes và một số bài ông chọn của các nhà nghiên cứu ph-ơng Tây viết bằng tiếng Anh, đ-ợc tập hợp trong cuốn sách khổ to, dày 726 trang, trong đó có bài đã in mà Lê Hải trích dẫn. Xem: *Vấn đề tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 2005. Bài của Giáo s- Ch. Keyes đ-ợc dịch gần nh- nguyên văn từ một bài báo 40 trang, đăng trong *Journal of Asian Studies* (2002), “The People of Asia: Science and Politics in Ethnic Classification in Thailand, China and Vietnam”, tr. 163 – 1203.

² Những ý kiến trình bày sau đây rút ra từ một số công trình của tác giả Đặng Nghiêm Vạn: “Ethnic identification in Vietnam, principles and processes”, trong *Ethnological and religious problems in Vietnam, SSLH, Hà Nội, 1998*; *Quan hệ giữa các tộc ng-ời trong một quốc gia dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993; và đặc biệt trong cuốn *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.

lẫn những ý kiến xuyên tạc của ông Lê Hải, phóng viên một đài đ-ợc khá nhiều ng-ời Việt Nam biết đến.

1. Thế nào là dân tộc (nation)

1.1. □ Việt Nam suốt từ năm 1955 kéo dài đến năm 1965, đã có những hội nghị trao đổi về *khái niệm dân tộc* (nation) quen thuộc của J. V. Stalin. □ kiến của J. V. Stalin dựa vào 4 yếu tố mà bất cứ cộng đồng dân tộc nào cũng phải có: lãnh thổ, ngôn ngữ, kinh tế và văn hoá mà J.V. Stalin thu gom lại là sự hình thành tâm lý biểu hiện trong văn hoá. Xem xét đến thực tiễn của Việt Nam là yêu cầu chống ngoại xâm, Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu, Minh Tranh đã cho rằng khác với J. V. Stalin, dân tộc Việt Nam có thể xuất hiện tr-ớc khi hình thành chủ nghĩa t- bản, có thể từ khi chế độ phong kiến thống trị. □ kiến đó viện ra *nếu ch- a thành dân tộc thì sao giữ đ-ợc n-ớc tr-ớc họa xâm lăng*, với những chiến thắng vang dội của Lý Th-ờng Kiệt, Trần H-ng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung và gần đây là thắng lợi trong cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ng-ời phát biểu đầu tiên với quan điểm xác định rõ ý kiến của Hồ Chí Minh coi “N-ớc Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” - khác hẳn quan điểm của J. V. Stalin cho rằng chỉ đến thời kỳ t- bản chủ nghĩa, dân tộc mới hình thành - là đồng chí Lê Duẩn, nguyên Tổng bí th- Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1966 ông đã viết “□ Việt Nam dân tộc hình thành từ khi lập n-ớc, chứ không phải từ khi chủ nghĩa t- bản n-ớc ngoài xâm nhập vào Việt Nam” (Lê Duẩn, 1966, tr. 176). □ kiến đó đ-ợc nhiều nhà khoa học Việt Nam và n-ớc ngoài đồng tình. Tuy vậy, cũng không phủ nhận có một hình thức dân tộc t- bản chủ nghĩa.

GS. Hà Văn Tấn khẳng định một cách thuyết phục là *dân tộc Việt Nam đã hình thành từ thời Hùng V-ong* (Hà Văn Tấn, 1979, tr. 32-33). Ông đọc nguyên bản của C. Mác, Ph. Anghen và V. I. Lênin và cho biết, các ông không nghĩ nh- J. V. Stalin. Xin đ- a ra vài dẫn chứng:

Trong *Hệ t- t-ởng Đức*, C. Mác, Ph. Anghen viết rất rõ “Sự phân công lớn nhất giữa lao động vật chất và lao động tinh thần là sự tách rời thành thị với nông thôn. Sự đối lập thành thị và nông thôn xuất hiện cùng với b-ớc quá độ từ thời kỳ dã man lên thời kỳ văn minh, *từ chế độ bộ lạc lên nhà n-ớc, từ tính địa ph-ong lên dân tộc* (ĐNV nhấn mạnh) và cứ tồn tại mãi suốt toàn bộ lịch sử văn minh cho đến ngày nay” (Mác, Anghen, 1995, tr. 72); “Có những bộ lạc... tập hợp thành những liên minh th-ờng xuyên, do đó mà b-ớc đầu tiến lên hình thành dân tộc”.

V. I. Lênin cũng hiểu nh- C. Mác và Ph. Anghen khi ông viết “Nhiệm vụ của chủ nghĩa đế quốc là ở chỗ hiện nay nh- chúng ta thấy, toàn bộ thế giới chia thành một số lớn các *dân tộc* bị áp bức, và một số ít các *dân tộc* (ĐNV nhấn mạnh) đi áp bức, là những dân tộc nắm trong tay tài sản khổng lồ và lực l-ợng quân sự hùng mạnh” (Lênin, 1981, tr. 444); hay “Ngày mai đây, lịch sử toàn thế giới chính là ngày mà các *dân tộc* (ĐNV nhấn mạnh) bị bọn đế quốc áp bức thức tỉnh và dứt khoát nổi dậy” (Lênin, 1981, tr. 414).

Nh- vậy, không giống J. V. Stalin, những ng-ời sáng lập ra chủ nghĩa Mác - Lênin đều cho rằng dân tộc là cộng đồng ng-ời hình thành từ các bộ lạc, mà liên minh bộ lạc là b-ớc khởi đầu. Dân tộc ra đời cùng với sự hình thành nhà n-ớc. Vậy nên có nhà

n- ớc chiếm nô, nhà n- ớc cống nạp, nhà n- ớc phong kiến, nhà n- ớc t- bản chủ nghĩa, nhà n- ớc xã hội chủ nghĩa. Đến nay, trong số 190 quốc gia dân tộc là thành viên của Liên hiệp quốc, đâu có phải tất cả là các n- ớc t- bản và xã hội chủ nghĩa.

1.2. Khi định nghĩa dân tộc, J. V. Stalin chỉ l- u ý đến các dân tộc có một trình độ phát triển tự mình tập hợp đ- ợc các dân tộc hay tộc ng- ời khác thành lập nên quốc gia dân tộc. □ng cho rằng ở Tây Âu có các dân tộc nh- Anh, Pháp,... đồng thời là quốc gia Anh, Pháp,...; còn ở Đông Âu các dân tộc lớn phải liên kết nhau lại để thành lập các quốc gia đa dân tộc nh- □o, Đức, Hungari, Đại Nga. Ông loại trừ các dân tộc hay tộc ng- ời nhỏ hơn không đủ sức đứng ra thành lập quốc gia – dân tộc. Thực tế đã không diễn ra nh- suy đoán. N- ớc Pháp dù đã chủ tr- ơng c- ỡng bức đồng hóa không bằng súng đạn mà bằng ngôn ngữ nh- R. Breton nhận định (Breton, 1995) mà nay vẫn còn ng- ời Basques, Bretons, Alsaciens, Vallons, Calatans,... Dân tộc Anh cũng vậy. Chính vì thế, chúng ta cho rằng dân tộc (nation) không phải là một cộng đồng tộc ng- ời mà là cộng đồng chính trị – xã hội bao gồm một hay hai dân tộc lớn và nhiều dân tộc nhỏ.

Phải nói J. V. Stalin đã lẫn lộn khái niệm dân tộc (nation) với tộc ng- ời (ethnie) nên *cơ cấu dân tộc của ông không rõ ràng, khi thì đúng với dân tộc, khi thì đúng với tộc ng- ời (ethnie).*

Ông cho rằng một dân tộc cần có tiếng nói chung - mà lại là *tiếng nói của dân chúng*, chứ không phải tiếng nói hành chính hay chính thức của công sở, song nếu lấy

tiếng nói của dân chúng thì ngay ở các n- ớc Pháp, Anh,... cũng làm gì có một tiếng nói thống nhất. □ Pháp hiện nay vẫn còn nhiều tiếng địa ph- ơng hay tộc ng- ời. Đó chính là ông lầm lẫn dân tộc với một tộc ng- ời.

Khi ông viết một dân tộc có một lãnh thổ chung, rõ ràng ông chỉ đặc tr- ơng của một quốc gia dân tộc. Vì vậy, ông không nhận ng- ời Do Thái, ng- ời Tsigan là một dân tộc. Đúng là một số tộc ng- ời trên thế giới có một lãnh thổ gốc, nh- ng- ời Thái ở Việt Nam nhận quê h- ơng của họ là M- ờng Thanh, ng- ời Hmông - nhận là Mèo Vạc, và hiện nay tuy sống ở nhiều quốc gia nh- ng họ vẫn nhận là dân tộc với những đặc tính riêng. Tuy nhiên, không đúng nh- ông Lê Hải, ý thức quê h- ơng gốc vẫn rất mạnh mẽ: Ng- ời Việt Nam di c- ra n- ớc ngoài hầu hết đều muốn nhận là Việt kiều. Phần đông họ vẫn nhớ quê h- ơng, tha thiết với nơi quê cha đất tổ. Có điều vì một lẽ gì đó, có thể vì kinh tế, vì chính trị mà họ muốn là ng- ời quốc gia khác. Nh- vậy, lãnh thổ có thể không hẳn trùng lặp với tộc ng- ời (ethnie hay ethnicity).

Nếu dùng tiêu chí có một tr- ờng sinh hoạt kinh tế chung, một thị tr- ờng chung thì sinh hoạt kinh tế chung, thị tr- ờng chung làm sao hình thành trên cơ sở một tộc ng- ời, cho dù là tộc ng- ời đa số trong một quốc gia dân tộc. Điều đó chỉ thích hợp với cộng đồng quốc gia, cho dù quốc gia đó chỉ bao gồm một tộc ng- ời nh- Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên hay quốc gia đa tộc ng- ời.

Tiêu chí có một tâm lý biểu hiện trong cộng đồng văn hóa rõ ràng là không đủ, phải

chăng cần mở rộng là tính cách dân tộc hay cộng đồng văn hóa nói chung.

Vậy rõ ràng nội dung định nghĩa của J. V. Stalin cần đ-ợc xem lại. Cộng đồng quốc gia dân tộc (nation) là *cộng đồng chính trị – xã hội*, có một nhà n-ớc cầm đầu, có ngôn ngữ mang tính hành chính chung, có lãnh thổ chung, có một nền kinh tế – văn hóa chung. Cộng đồng đó xuất hiện ngay từ thời xã hội b-ớc vào thời kỳ văn minh theo quan niệm của Morgan-Engels.

1.3. Về con đ-ờng hình thành cộng đồng quốc gia dân tộc (nation) trong thời kỳ công nghiệp. J. V. Stalin chỉ đ-a ra hai kiểu hình thành quốc gia dân tộc:

- Từ một tộc ng-ời nhất định có trình độ tập hợp các tộc ng-ời khác trong n-ớc.

- Từ một, hai hay nhiều tộc ng-ời. Có thể đó là tr-ờng hợp của cả Tây Âu, Đông Âu và các vùng khác trên thế giới.

Với thời đó, ông không nhìn ra một con đ-ờng hình thành khác mà V. I. Lênin (1991, tr. 441), từ năm 1917 đã nhắc đến là sự hình thành dân tộc Mỹ bao gồm nhiều bộ phận da trắng ở châu Âu qua vùng đất này ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, cùng với việc ng-ời da đen bị xua đuổi khỏi quê h-ơng bằng roi vọt, bằng súng và ng-ời da đỏ (Anh Điêng) bị thảm sát đến 80 - 90% (Bodlay, 1922; Puiceux, 1977; Clastres, 1974; Breton, 1981). Đó cũng là kiểu hình thành dân tộc □c, Canada, Nam Phi. Tại Trung, Nam Mỹ, ng-ời da trắng, ng-ời da đen mới đến lại chung sống với ng-ời da đỏ (Anh

Điêng) ở đó từ tr-ớc. Tại đây, đã hình thành 4 nhóm ng-ời: 1. Nhóm *Kreel*, là con cháu ng-ời da trắng; 2. Nhóm *lai giữa ng-ời da trắng và Anh Điêng* (ở Colombia gọi là *Chô lô*); 3. Nhóm *Mulat* - lai giữa ng-ời da trắng và da đen; và 4. Nhóm *Sambô* - con cháu ng-ời da đen và ng-ời Anh Điêng. Đến gần đây có thêm ng-ời châu □ cũng gia nhập các cộng đồng này. Tại Mỹ hiện có 11% ng-ời da đen, 1,5% ng-ời Anh Điêng trong tổng số dân. Ng-ời Việt Nam nay ở Mỹ cũng có tới gần 2 triệu ng-ời.

Ngoài ra, còn có các cộng đồng dân tộc đ-ợc hình thành dựa trên sự tập hợp nhiều bộ lạc, liên minh bộ lạc, tộc ng-ời mà biên giới quốc gia dân tộc của nó đ-ợc các n-ớc đế quốc và thực dân quyết định trên bàn hội nghị ở châu Âu, th-ờng không trùng lặp với ranh giới cổ truyền tr-ớc đây (điển hình là ở các n-ớc châu Phi đen). Trong tình hình đó, sau khi giải phóng, do xúi bẩy của các n-ớc ph-ơng Tây đã gây ra xung đột đẫm máu triền miên giữa các bộ lạc.

Có thể nói, định nghĩa của J. V. Stalin về dân tộc vẫn còn những thiếu sót. Nhiều nhà nghiên cứu Xô viết đã không đồng tình, tiêu biểu nh- I. P. Txamnian (1967). Đến những năm 90 định nghĩa đó đều bị các nhà khoa học Nga phủ nhận. Bởi vậy, làm sao ông Lê Hải lại viết một cách võ đoán là giáo trình của tôi áp dụng định nghĩa của J. V. Stalin đ-ợc. Tôi chắc là ông ch-a xem sách đó thôi.

2. Thế nào là một tộc ng-ời (ethnie, ethnicity)?

Thuật ngữ tộc ng-ời (ethnie, ethnicity) xuất hiện rất muộn trong giới khoa học. Khởi đầu, thuật ngữ này do Vacher de Lapouge đ- a ra vào năm 1895, A. Fouillée (1914) dùng lại và chỉ đ- ọc sử dụng phổ biến sau khi G. Héraud viết cuốn *L' Europe des ethnies*, Paris, 1963. Nên ta không trách J. V. Stalin, vì trong bối cảnh ấy làm sao mà ông biết rõ thuật ngữ này đ- ọc. Thuật ngữ này đ- ọc dùng trong Hiến pháp Xô viết năm 1977 thay cho bộ tộc và bộ lạc; xuất hiện muộn ở tiếng Anh (ethnicity), tiếng Nga (ethnos) và các ngôn ngữ khác. Có điều chắc chắn thuật ngữ đó không thể lầm lẫn đ- ọc với *nation* là cộng đồng chính trị – xã hội, còn *ethnic* hay *ethnicity* là cộng đồng mang tính tộc ng-ời. Trong một quốc gia dân tộc (nation), một tộc ng-ời phải là cấu thành của một quốc gia cho dù có cùng tên gọi vì nó đã nhuộm màu sắc chính trị – xã hội của quốc gia đó.

Khác với các n-ớc trên thế giới, chúng tôi quan niệm các tộc ng-ời đa số ở trình độ phát triển kinh tế – xã hội cao cũng nh- các tộc ng-ời thiểu số ở trình độ phát triển kinh tế – xã hội không ngang bằng hoặc thấp hơn đều là ethnicity hay ethnos. Nên bất cứ một tộc ng-ời nào trong quốc gia dân tộc Việt Nam cũng đều là một thành phần của dân tộc (nation) và cũng đều là một tộc ng-ời.

Vấn đề xác định thành phần tộc ng-ời có khác nhau chính là định nghĩa thế nào là một ethnicity. Vấn đề này ở Việt Nam không đụng đến J. V. Stalin, vì J. V. Stalin cũng không để ý đến, chỉ chú ý tới các dân tộc có khả năng thành lập một

dân tộc t- bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Điều đáng chú ý là thuật ngữ đó ở Việt Nam lại có hai nghĩa, một chỉ *nation*, một chỉ *ethnicity*. Muốn tránh lầm lẫn, những nhà dân tộc học Việt Nam mới gọi là tộc ng-ời để chỉ *ethnicity* hay thậm chí *ethnic group* nh- một số học giả Mỹ³ th-ờng dùng. Ông Ch. Keyes đã nói rất đúng rằng “Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên tắc phân loại của ng-ời thầy thông thái là Đảng Cộng sản Xô viết” và “... việc triển khai chính sách của hai n-ớc này (Việt Nam và Trung Quốc) cũng có những khác biệt đáng kể” (Keyes, 2005), thì không lẽ gì ông lại lầm lẫn tôi đã theo J. V. Stalin khi trích dẫn vài dòng ở trang 14 trong tác phẩm của tôi. Trong tác phẩm *Ethnological and religious problems in Viet Nam*, tôi đã xác định: “Tộc ng-ời là một cộng đồng ổn định, hình thành trong một quá trình lịch sử, bao gồm những mối quan hệ về bản sắc ngôn ngữ, hệ thống tập quán, các hoạt động kinh tế - xã hội, các đặc điểm văn hóa... một cộng đồng mà những thành viên của nó nhận thức rõ bản sắc cộng đồng chung, trên nền tảng của những mối quan hệ đã đề cập ở trên” (Đặng Nghiêm Vạn, 1998, tr. 14). Tiếp đó, tôi còn nói rõ ràng hơn về thuật ngữ này trong cuốn *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam* mà chắc ông Ch. Keyes ch- a đọc đến: “Tộc ng-ời hay dân tộc (ethnie) là một cộng đồng mang tính tộc ng-ời có chung một tên gọi, một ngôn ngữ (trừ

³ Trong bài “The flood myth and the origin of ethnic groups in Southeast Asia”, đăng trong *Journal American Folklore* 106 (421); 304-337, 1993, tôi dùng thuật ngữ *ethnicity*, đ- ọc Ban biên tập chừa là *ethnic group* mà không hỏi tác giả.

tr-ờng hợp cá biệt) đ-ợc liên kết với nhau bằng những giá trị văn hóa, tạo thành một tính cách tộc ng-ời, có chung một ý thức tự giác tộc ng-ời, tức có chung một khát vọng đ-ợc chung sống, có chung một số phận lịch sử thể hiện ở những ký ức lịch sử (truyền thuyết, lịch sử, huyền thoại, kiêng cử). Một tộc ng-ời không nhất thiết có cùng một lãnh thổ, cùng một cộng đồng sinh hoạt kinh tế” (Đặng Nghiêm Vạn, 2003, tr. 73). Bởi vậy, một tộc ng-ời mới chia thành hai hay nhiều nhóm địa ph-ơng, nh- ng *chỉ* khi bản thân có *một tên gọi riêng* phổ biến trong vùng.

Việc phân loại các tộc ng-ời ở Việt Nam rất phức tạp. Chẳng thế mà trong 54 thành phần dân tộc, với các tộc ng-ời đã định hình lâu, th-ờng làm chủ một vùng rộng lớn, nên việc xác định khá dễ dàng. Chỉ những tộc ng-ời đến muộn hơn ở các vùng xen kẽ với các tộc ng-ời lớn hơn, hay ở vùng hẻo lánh, biên giới thời khó xác định. Không phải nh- Nguyễn Văn Thắng nói là tự giác dân tộc đ-ợc các nhà khoa học luận tr-ớc rồi áp đặt, không l-u ý đến ý kiến các tộc ng-ời nhỏ (Keyes, Sdd, tr. 448)⁴. Gặp những tr-ờng hợp đó, chúng tôi th-ờng hợp đại biểu của dân, những già làng, chính quyền địa ph-ơng các cấp để lấy ý kiến. Công việc này đ-ợc làm đến 2, 3 lần. Với các nhóm có ý kiến khác nhau thì thảo luận bàn bạc dân chủ rồi mới tạm thời thống nhất. Nên trong danh mục, có một số tộc danh là kết quả thể hiện hai

luồng ý kiến khác nhau nh- tộc ng-ời Bru – Vân Kiều, Cao Lan - Sán Chỉ, Giẻ - Triêng, Hmông (Mèo), Hoa (Hán),... Có những nhóm chỉ có vài trăm ng-ời, song nếu họ nhận là một tộc ng-ời, chúng tôi vẫn tôn trọng, nh- các tộc Si La (594 ng-ời), Pu Péo (382 ng-ời), Rơ-măm (227 ng-ời), Brâu (231 ng-ời), Ó-đu (321 ng-ời).

Có một số nhóm ở rải rác, đ-ờng đi lại khó khăn nên việc điều tra cũng ch-a thật chu đáo và vẫn còn ý kiến khác nhau. Do phải trả lời gấp cho Trung - ơng - tuy công việc đã kéo dài hơn hai chục năm - về câu hỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “N-ớc ta có bao nhiêu dân tộc?”, nên chúng tôi đành tạm công nhận kết quả xác định thành phần dân tộc. Cũng vì cẩn trọng, nên Chủ tịch n-ớc ch-a ký vào kết quả xác định này, chỉ giao cho Tổng cục Thống kê ban hành bản *Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam*, với mục đích nếu cần thiết thì tiếp tục sửa đổi. Vì vậy, trong thời gian gần đây, Viện Dân tộc học đã đ-ợc giao nhiệm vụ xác định lại một số dân tộc và nhóm địa ph-ơng, trong đó có tộc ng-ời Tà-ôi với hai nhóm Pacoh (ở cao) và Pahi (ở thấp) thuộc bối cảnh nêu trên. Hai nhóm của dân tộc Tà-ôi sống ở Quảng Bình, trong vùng chiến sự ác liệt, giao thông cách trở, khiến công tác điều tra gặp nhiều khó khăn nên còn có ý kiến khác nhau ở giai đoạn xác định thành phần dân tộc lần thứ nhất...

Chúng tôi cũng ch-a có điều kiện nghiên cứu các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Tất nhiên vì lý do chính trị, kinh tế..., có một số ng-ời gốc Việt không thích

⁴ Xem Keyes, Sdd, tr. 448. Ông Nguyễn Văn Thắng không tham gia kỳ xác định thành phần dân tộc lần thứ nhất. Không biết ông Thắng có khách quan không, hay tự nghĩ ra ý kiến mang tính phủ nhận ý kiến của các nhà dân tộc học lớp tr-ớc.

nhận là Việt kiều, và các tộc ng-ời khác Việt cũng vậy. Tôi tin những ng-ời nh- ông Lê Hải chắc cũng ch- a thích nhận hoặc chỉ thích khi muốn về thăm quê.

Liên quan đến bài của ông Lê Hải đã nêu, tôi thấy có một độc giả của bài báo này suy ra “Việt Nam đang khủng hoảng về hệ t- t- ởng. Cơ sở lý luận bảo vệ cho chế độ XHCN đang lung lay tận gốc nhất là lĩnh vực khoa học. Không chỉ riêng dân tộc học mà hầu hết các bộ môn khoa học khác cũng đang khủng hoảng về “ph- ơng pháp luận”, cái mà lâu nay đều lấy ph- ơng pháp Mác xít làm kim chỉ nam”. □ kiến suy diễn không khoa học nh- thế chúng tôi thấy không cần bàn, song nó lại làm cho ng- ời ta đánh giá tác giả Lê Hải và luận điểm của đài BBC đáng tin cậy đến độ nào.

Tài liệu tham khảo

1. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2005), *Vấn đề tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Hà Nội.
2. Bodlay, J. H. (1992), *Victim of progress*, California.
3. Breton, R. (1981), *Les ethnics*, PUF, Paris.
4. Breron, R. (1995), *Geographic des longues*. PUF, Paris, 3rd edition.
5. Lê Duẩn (1995), *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
6. Lênin, V. I. (1981), *Toàn tập*, Tập 26, Nxb Tiến Bộ, Maxcova.
7. Lênin, V. I. (1991), *Toàn tập*, Tập 30, Nxb Tiến Bộ, Maxcova.
8. Lênin, V. I. (1978), *Toàn tập*, Tập 45, Nxb Tiến Bộ, Maxcova.
9. Mác, C. – Anghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Puiseux, L. (1977), *Le Babel nucléaire*, Paris.
11. Hà Văn Tấn (1979), “Về khái niệm dân tộc (nation) của Mác, Anghen và sự hình thành dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 32-33.
12. Txamnian, I. P. (1967), “Những vấn đề lý thuyết Mác - Lê Nin hiện nay về dân tộc”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (bản tiếng Nga).
13. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Quan hệ giữa các tộc ng- ời trong một quốc gia dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đặng Nghiêm Vạn (1998), “Ethnic identification in Vietnam, principles and processes”, trong: *Ethnological and religious problems in Vietnam*, SSLH, Hà Nội.
15. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.